

# MeteoSpasmyl® viên nang mềm

ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRƯỚC KHI DÙNG. NẾU CẦN THÊM THÔNG TIN, XIN HỎI Ý KIẾN BÁC SĨ.

## THÀNH PHẦN

Alverine citrate . . . . . 60 mg

Simethicone . . . . . 300 mg

Tá dược: Gelatin, glycerol, titan dioxyd, nước.

## DẠNG BÀO CHẾ - QUY CÁCH ĐÓNG GÓI

Viên nang mềm.

Hộp 2, 3 hoặc 4 vỉ x 10 viên nang.

## CHỈ ĐỊNH

Điều trị triệu chứng của rối loạn ruột chức năng, đặc biệt kèm trướng bụng.

## LIỀU LƯỢNG VÀ CÁCH DÙNG

**Liều dùng:** DÀNH CHO NGƯỜI LỚN.

1 viên nang, 2 đến 3 lần mỗi ngày.

**Đường dùng:** Đường uống.

**Cách dùng:** Uống thuốc trước bữa ăn.

## CHỐNG CHỈ ĐỊNH

Thuốc này không nên dùng trong trường hợp có tiền sử dị ứng hoặc bất dung nạp với alverin hoặc một trong các tá dược.

## THẬN TRỌNG KHI DÙNG

Không nên dùng cho phụ nữ có thai và cho con bú mà không có ý kiến của bác sĩ.

## TƯƠNG TÁC THUỐC VÀ CÁC TƯƠNG TÁC KHÁC:

Không có.

## MANG THAI - CHO CON BÚ

Tốt hơn là không dùng thuốc này trong lúc mang thai và cho con bú.

## TÁC DỤNG KHÔNG MONG MUỐN

Do có chứa Alverine:

- Hiếm có trường hợp nổi mề đay, đôi khi có phù thanh quản, sốc.
- Hiếm có trường hợp bị tổn thương gan, hồi phục lại khi ngừng thuốc.

*Thông báo cho bác sĩ những tác dụng không mong muốn gặp phải khi sử dụng thuốc.*

## CÁC ĐẶC TÍNH DƯỢC LÝ

**Đặc tính dược lực:** Thuốc chống co thắt hướng cơ / chống đầy hơi.

Alverine citrate là chất chống co thắt hướng cơ giống như papaverine, không thuộc nhóm atropine.

Simethicone là một chất trợ không có tác dụng dược lý. Nó làm giảm sức căng bề mặt của các bong bóng hơi, làm cho bong bóng hơi bị phân tán hoặc hợp nhất thành một khối hơi và bị đẩy ra ngoài theo nhu động ruột.

**Đặc tính dược động:** Sau khi hấp thu từ đường tiêu hoá, alverine citrate chuyển hoá nhanh chóng thành chất chuyển hóa có hoạt tính, nồng độ cao nhất trong huyết tương đạt được sau khi uống 1 - 1,5 giờ. Sau đó thuốc được chuyển hoá tiếp thành các chất không còn hoạt tính và được thải trừ ra nước tiểu bằng bài tiết tích cực ở thận.

## QUÁ LIỀU - CÁCH XỬ TRÍ

**Triệu chứng:** hạ huyết áp và triệu chứng nhiễm độc giống atropine.

**Xử trí:** như khi ngộ độc atropine và biện pháp hỗ trợ điều trị hạ huyết áp.

## BẢO QUẢN - HẠN DÙNG

Không dùng quá ngày hết hạn dùng ghi trên bao bì.

Để xa tầm tay trẻ em.

Bảo quản ở nhiệt độ dưới 30°C.

Hạn dùng: 36 tháng kể từ ngày sản xuất.

Thuốc này chỉ dùng theo đơn của bác sĩ.

